

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CAO TH VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CAO TH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TH VIET NAM HIGH TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109505961

3. Ngày thành lập: 22/01/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 56, ngõ 1, đường Kim Ngọc, Cụm 1, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988799753

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
2.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
3.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
4.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
5.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
6.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
7.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
8.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
9.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
10.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
11.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
12.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
13.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
14.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
15.	Sản xuất đồng hồ	2652
16.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
17.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
18.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
19.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821

20.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
21.	Sản xuất máy luyện kim	2823
22.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
23.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
24.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
25.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
26.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
27.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
28.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
29.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
30.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
31.	Xây dựng nhà để ở	4101
32.	Xây dựng nhà không để ở	4102
33.	Xây dựng công trình điện	4221
34.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
35.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
36.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
37.	Phá dỡ	4311
38.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
39.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
40.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
41.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
42.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
43.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
44.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
45.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
46.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
47.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
48.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
49.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
50.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
51.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
52.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
54.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

55.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
56.	Quảng cáo	7310
57.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
58.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
59.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản; - Sàn giao dịch bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ tư vấn về pháp luật về bất động sản, tư vấn về tài chính bất động sản); - Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản.	6820
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu hàng hóa	8299
61.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710(Chính)
62.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
63.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
64.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
65.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
66.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
67.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
68.	Sản xuất sợi	1311
69.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
70.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
71.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
72.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
73.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
74.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
75.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
76.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
77.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
78.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
79.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
80.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

81.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
82.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
83.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
84.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
85.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
86.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
87.	Sản xuất giày, dép	1520

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
 Số giấy chứng thực cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
 Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TUYẾN Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Giám đốc*
 Sinh ngày: *17/05/1994* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
 Số giấy chứng thực cá nhân: *017307192*
 Ngày cấp: *15/07/2011* Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 56, ngõ 1, đường Kim Ngọc, Cụm 1, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
 Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 56, ngõ 1, đường Kim Ngọc, Cụm 1, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội